

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng

2. Ông Trần Đại Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Nguyễn Thanh D, sinh năm 1989 (có mặt)

Trú tại: Số 9, khu vực 5, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trần Nguyễn Thanh D trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung K tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh K thường hay đánh vợ, không lo cho kinh tế gia đình nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung dưới 18 tuổi là Nguyễn Thụy Quỳnh A, sinh ngày 18/10/2009, và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/9/2011. Hiện 02 con đang sống với chị D. Chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại các lời khai của bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày: Anh và chị Trần Nguyễn Thanh D chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có quen người khác bên ngoài, anh có đánh chị D 03 lần. Anh còn thương vợ anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung dưới 18 tuổi là Nguyễn Thụy Quỳnh A, sinh ngày 18/10/2009, và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/9/2011. Hiện 02 con đang sống với chị D. Anh K yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh K theo nguyện vọng của 02 con chung. Nếu con theo ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Nguyễn Thanh D và anh Nguyễn Trung K tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị D thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh K không lo cho kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên đánh chị nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có quen người đàn ông khác, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn. Qua quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay cho thấy chị D và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị D và anh K có 02 người con chung dưới 18 tuổi là Nguyễn Thụy Quỳnh A, sinh ngày 18/10/2009, và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày

04/9/2011. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu A và cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ, nên cần phải tôn trọng ý kiến của 02 cháu. Mặt khác, 02 cháu đã sống với chị D từ nhỏ và lại là nữ, nên phải giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn Thanh D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Thanh D và anh Nguyễn Trung K được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thụy Quỳnh A, sinh ngày 18/10/2009, và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/9/2011 cho chị Trần Nguyễn Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A, cháu N tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn Thanh D phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Diệu đã đóng theo

biên lai số 0021619 ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị D đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND p. H,
- q. Cái Răng, tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh